

Số: 2495 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 30 tháng 12 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành định mức và đơn giá xử lý nước thải tại  
Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh,  
công suất thiết kế 18.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 258/TTr-SXD ngày 23/12/2022.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức và Đơn giá xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh, công suất thiết kế 18.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**Điều 2.** Định mức và đơn giá xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh, công suất thiết kế 18.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm là cơ sở xác định giá dịch vụ thoát nước theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về nội dung Định mức và Đơn giá xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh, công suất thiết kế 18.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan công bố, hướng dẫn áp dụng và kiểm tra việc áp dụng thực hiện Định mức và Đơn giá ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Định mức và Đơn giá xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh, công suất thiết kế 18.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ Xây dựng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- BLĐVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: KT, NN, THNV;
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, CNXD. 04

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trung Hoàng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**ĐỊNH MỨC VÀ ĐƠN GIÁ CÔNG TÁC XỬ LÝ  
NƯỚC THẢI TẠI NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
THÀNH PHỐ TRÀ VINH  
CÔNG SUẤT THIẾT KẾ 18.000 M<sup>3</sup>/NGÀY.ĐÊM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12  
năm 2022 của UBND tỉnh Trà Vinh)*

**NĂM 2022**

**PHẦN I**  
**ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN CÔNG TÁC XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI**  
**NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI THÀNH PHỐ TRÀ VINH**  
**CÔNG SUẤT THIẾT KẾ 18.000 M<sup>3</sup>/NGÀY.ĐÊM**

**I. THUYẾT MINH TÍNH TOÁN VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG**

**1. Nội dung định mức**

Định mức dự toán công tác xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh quy định mức hao phí về vật liệu, nhân công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xử lý nước thải từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc công tác theo đúng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý vận hành tại Nhà máy.

Định mức dự toán công tác xử lý nước thải bao gồm các công việc liên quan đến quá trình quản lý, vận hành, xử lý nước thải tại Nhà máy đảm bảo việc xử lý nước thải theo đúng tiêu chuẩn đầu ra nước thải theo quy định.

**2. Căn cứ lập định mức**

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

- Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn định giá dịch vụ thoát nước;

- Quyết định số 451/QĐ-BXD ngày 21/4/2015 của Bộ Xây dựng về công bố suất đầu tư xây dựng và mức chi phí xử lý nước thải sinh hoạt;

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng phương pháp xác định các chỉ tiêu Kinh tế kỹ thuật và Đo bóc khối lượng công trình (*vận dụng phương pháp xác định hao phí định mức*);

- Biên bản họp ngày 18/8/2022 về việc thống nhất nội dung cập nhật bổ sung số liệu từ tháng 12/2020 đến tháng 6/2022, bổ sung điều chỉnh một số nội dung theo ý kiến của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 2851/BXD-KTXD ngày 26/7/2022;

- Biên bản khảo sát đối chiếu số liệu hiện trường công tác xác định hao phí để xây dựng định mức và đơn giá xử lý nước thải tại Nhà máy XLNT thành phố Trà

Vinh;

- Phụ lục các tài liệu do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh cung cấp: Quy trình xử lý nước thải; thông số máy móc thiết bị; Nhật ký theo dõi lưu lượng nước thải; hao phí điện năng; Nhân sự xử lý nước thải tại Nhà máy và một số tài liệu liên quan.

### **3. Hướng dẫn sử dụng định mức**

Định mức dự toán công tác xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh là cơ sở để các tổ chức, cơ quan liên quan lập, thẩm định và phê duyệt giá xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh theo đúng quy định.

## II. ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN

XLNT-01.00 Công tác quản lý, vận hành, xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh.

*Thành phần công việc :*

- Chuẩn bị công cụ, dụng cụ lao động.
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải 3 ca liên tục các ngày trong năm, theo dõi vận hành thường trực và sẵn sàng xử lý các tình huống sự cố có thể xảy ra.
- Vận hành trạm quan trắc môi trường tự động và thí nghiệm mẫu nước hàng tuần; Kiểm tra giám sát Nhà máy; Xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng; Vận hành các trạm bơm.
- Kiểm soát và giám sát chất lượng nước thải; Ghi chép tổng hợp số liệu vận hành.
- Thu dọn công cụ, dụng cụ, dọn dẹp vệ sinh khu vực làm việc; Ghi nhật ký vận hành và lập báo cáo theo quy định.
- Bàn giao cho ca làm việc tiếp theo.

*Đơn vị tính: 01 m<sup>3</sup> nước thải*

Stt	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hao phí định mức
<b>I</b>	<b>Vật liệu</b>		
1	Điện năng	kwh	0,1170
2	Nước sạch	m <sup>3</sup>	0,0002
<b>II</b>	<b>Nhân công</b>		
1	Kỹ sư bậc 4/8 (ca ngày)	công	0,00033
2	Kỹ sư bậc 4/8 (ca đêm)	công	0,00022
3	Công nhân bậc 4/7 (ca ngày)	công	0,00159
4	Công nhân bậc 4/7 (ca đêm)	công	0,00027

**PHẦN II**  
**ĐƠN GIÁ CÔNG TÁC XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI NHÀ MÁY XỬ**  
**LÝ NƯỚC THẢI THÀNH PHỐ TRÀ VINH**  
**CÔNG SUẤT THIẾT KẾ 18.000 M<sup>3</sup>/NGÀY.ĐÊM**

**I. THUYẾT MINH TÍNH TOÁN VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG**

**1. Cơ sở xác định đơn giá**

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

- Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí tiền lương trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

- Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn định giá dịch vụ thoát nước;

- Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Nghị định số 44/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ Quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của bộ Luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

- Quyết định số 2585/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2585/QĐ-UBND ngày 01/12/2016

của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

## 2. Nội dung định mức

Đơn công tác xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh xác định chi phí về vật liệu, nhân công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xử lý nước thải từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc công tác theo đúng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý vận hành tại Nhà máy.

### a) Chi phí vật liệu :

- Chi phí vật liệu trong đơn giá bao gồm chi phí vật liệu cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xử lý nước thải tại Nhà máy.

- Giá điện (bình quân): 1.864,44 đ/kwh căn cứ theo Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương quy định về giá điện.

- Giá nước sạch : 9.500 đồng/m<sup>3</sup> căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng thực tế tại Nhà máy.

### b) Chi phí nhân công :

- Chi phí nhân công trong đơn giá áp dụng mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng quy định tại Nghị định 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ.

- Hệ số bậc lương căn cứ quy định Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động – Thương binh – Xã Hội.

- Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương  $H_{dc}$  trong giá sản phẩm dịch vụ công ích áp dụng trên địa bàn tỉnh căn cứ quy định Quyết định số 2585/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2585/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác căn cứ quy định Nghị định số 44/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Tiền ăn ca tạm tính 730.000 đồng/tháng.

## 3. Hướng dẫn sử dụng



Đơn giá công tác xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh là cơ sở để các tổ chức, cơ quan liên quan lập, thẩm định và phê duyệt giá xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh theo đúng quy định.

## II. ĐƠN GIÁ

Đơn giá công tác xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh gồm chi phí và lợi nhuận định mức (không bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định và thuế giá trị gia tăng VAT).

**XLNT-01.00** Công tác quản lý, vận hành, xử lý nước thải tại Nhà máy xử lý nước thải thành phố Trà Vinh.

*Thành phần công việc :*

- Chuẩn bị công cụ, dụng cụ lao động.
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải 3 ca liên tục các ngày trong năm, theo dõi vận hành thường trực và sẵn sàng xử lý các tình huống sự cố có thể xảy ra.
- Vận hành trạm quan trắc môi trường tự động và thí nghiệm mẫu nước hàng tuần; Kiểm tra giám sát Nhà máy; Xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng; Vận hành các trạm bơm.
- Kiểm soát và giám sát chất lượng nước thải; Ghi chép tổng hợp số liệu vận hành.
- Thu dọn công cụ, dụng cụ, dọn dẹp vệ sinh khu vực làm việc; Ghi nhật ký vận hành và lập báo cáo theo quy định.
- Bàn giao cho ca làm việc tiếp theo.

*Đơn vị tính: 01 m<sup>3</sup> nước thải*

Stt	Tên chi phí	Ký hiệu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Chi phí vật tư trực tiếp	$C_{vt}$	220
2	Chi phí nhân công trực tiếp	$C_{nc}$	836
3	Chi phí sản xuất chung	$C_{sxc}$	158
4	Tổng chi phí sản xuất	$C_p = C_{vt} + C_{nc} + C_{sxc}$	1.214
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	$C_q = 5\% \times C_p$	61
6	Tổng chi phí dịch vụ xử lý nước thải	$C_t = C_p + C_q$	1.275

Stt	Tên chi phí	Ký hiệu	Thành tiền
7	Giá thành của dịch vụ thoát nước trên 01 m <sup>3</sup> nước thải bình quân	$Z_{TB}$	1.275
8	Tỷ lệ lợi nhuận định mức	$P=5\%$	64
9	Giá dịch vụ xử lý nước thải	$G_{DVTN} = \{Z_{TB} + (Z_{TB} \times P)\}$	1.339

*Bảng chữ: Một nghìn, ba trăm ba mươi chín đồng.*